

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Chiến Thắng.

2. Ông Võ Cao Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1214/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Nguyên Q, sinh năm 1982; thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1985; thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Số 10 (số cũ 12/18) đường D11, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, anh Bùi Nguyên Q và chị Phạm Thị D có thời gian tìm hiểu nhau hơn 05 năm tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy D, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 04/02/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2009 quyền số 03.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương đến năm 2015 anh Q về quê còn chị D ở lại thị xã D đi làm. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ

chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Nay anh Bùi Nguyên Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2009 và Bùi Linh Đ, sinh ngày 04/9/2015. Sau khi ly hôn anh Q đồng ý giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2018, bị đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D thống nhất về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân như đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Bùi Nguyên Q. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Bùi Nguyên Q.

Về con chung: Thống nhất về các con chung, chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Bùi Nguyên Q và chị Phạm Thị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 04/02/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2009 quyền số 03 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh Bùi Nguyên Q và chị Phạm Thị D đều xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ giữa năm 2015. Căn cứ vào lời khai của anh Bùi Nguyên Q và chị Phạm Thị D có cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập anh Q và chị D đến Tòa án hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng chị D từ chối hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Bùi Nguyên Q yêu cầu ly hôn, chị Phạm Thị D cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Q và chị D có 02 con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2009 và Bùi Linh Đ, sinh ngày 04/9/2015. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời cháu Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị D yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Q đồng ý nên chấp nhận.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Nguyên Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Nguyên Q về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn chị Phạm Thị D.

2. Về hôn nhân: Anh Bùi Nguyên Q được ly hôn với chị Phạm Thị D (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2009 quyền số 03 ngày 04/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp).

3. Về con chung:

3.1 Anh Bùi Nguyên Q giao con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2009 và Bùi Linh Đ, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Bùi Nguyên Q và chị Phạm Thị D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3.2 Về cấp dưỡng: Anh Bùi Nguyên Q cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Nguyên Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027769 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Bùi Nguyên Q còn tiếp tục nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã T (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liếng

